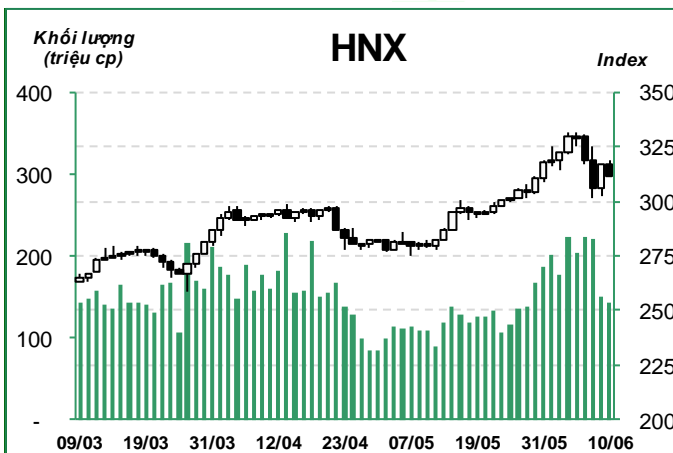
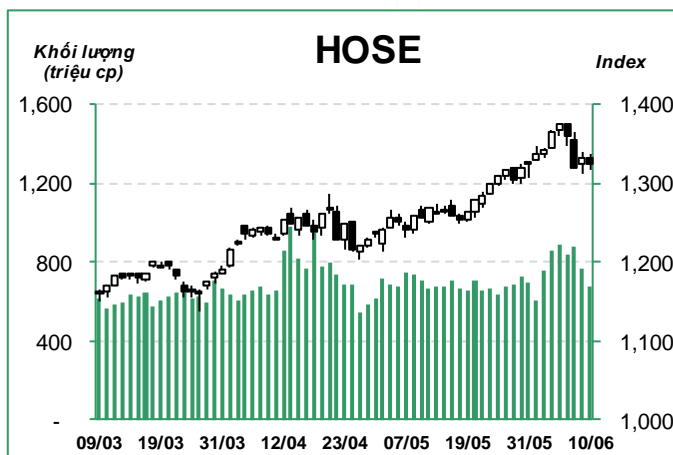


## a Tổng quan thị trường

10/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,323.58</b>	<b>-0.70%</b>	<b>1,451.18</b>	<b>-0.45%</b>	<b>311.32</b>	<b>-1.75%</b>
Cuối tuần trước	1,374.05	-3.67%	1,508.35	-3.79%	329.76	-5.59%
Trung bình 20 ngày	1,320.71	0.22%	1,447.82	0.23%	310.67	0.21%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>723.49</b>	<b>-12.02%</b>	<b>258.36</b>	<b>-8.97%</b>	<b>149.18</b>	<b>-1.70%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>674.21</b>	<b>-12.42%</b>	<b>253.44</b>	<b>-9.47%</b>	<b>142.41</b>	<b>-5.40%</b>
Trung bình 20 ngày	727.34	-7.30%	275.93	-8.15%	163.55	-12.93%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>25,351.76</b>	<b>-2.02%</b>	<b>14,326.35</b>	<b>3.66%</b>	<b>3,609.72</b>	<b>-1.11%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>23,295.40</b>	<b>-3.84%</b>	<b>13,997.46</b>	<b>3.27%</b>	<b>3,452.87</b>	<b>-4.60%</b>
Trung bình 20 ngày	23,430.93	-0.58%	13,781.39	1.57%	3,802.53	-9.20%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	162	36%	6	20%	73	20%
<b>Số mã giảm</b>	236	53%	21	70%	150	41%
<b>Số mã đứng giá</b>	49	11%	3	10%	146	40%



Thị trường có diễn biến giảm trở lại trong phiên giao dịch ngày thứ 5 khi lực cầu ở nhóm vốn hóa lớn suy yếu. Thay vào đó là động thái bán quyết liệt của các nhà đầu tư nội bất chấp khối ngoại bất ngờ mua ròng trở lại.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đảo chiều giảm điểm và đóng cửa tại mức 1,323.58 điểm (-0.70%). Thanh khoản sụt giảm phiên thứ 2 liên tiếp với KLGĐ khớp lệnh đạt 674.2 triệu cổ phiếu (-12.4%), tương đương 23,295 tỷ đồng giá trị (-3.8%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 236 mã giảm/162 mã tăng.

Sau những phút giằng co đầu phiên, sắc đỏ nhanh chóng áp đảo ở nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn khiến thị trường thiếu đi động lực kéo chỉ số. Trong đó, Vingroup-VIC (-1.9%), Vinhomes-VHM (-1.9%), BIDV-BID (-3.4%) và Vietinbank-CTG (-2.0%) là những cổ phiếu có ảnh hưởng lớn nhất đến đà giảm của chỉ số. Trái lại, Vinamilk-VNM (+3.5%), Hòa Phát-HPG (+2.6%), Sabeco-SAB (+2.0%) là những Bluechips hiếm hoi giữ được sắc xanh. Bên cạnh đó, vẫn có những nhóm ngành vốn hóa vừa và nhỏ thu hút được dòng tiền nhà đầu tư đổ vào như nhóm thủy sản với Thủy sản Nam Việt-ANV (+6.8%), Thủy sản Sao Ta-FMC (+6.9%), Thủy sản Vĩnh Hoàn-VHC (+6.9%) và nhóm phân bón với Đạm Cà Mau-DCM (+7.0%), Đạm Phú Mỹ-DPM (+6.7%), Phân bón Bình Điền-BFC (+5.1%).

Sau chuỗi 8 phiên bán ròng liên tiếp, khối ngoại có động thái giảm ngân rút vốn trở lại trên sàn HoSE khi mua ròng 251.2 tỷ đồng. Trong đó, cả 2 cổ phiếu bị khối ngoại bán quyết liệt trong khoảng thời gian trước đó là Hòa Phát-HPG (+167.4 tỷ) và Vinamilk-VNM (+91.7 tỷ) lại bất ngờ được mua nhiều nhất trong phiên hôm nay. Trái lại, dẫn đầu danh sách bán ròng của khối ngoại lần lượt là Đất Xanh-DXG (-155.8 tỷ), Novaland-NVL (-74.3 tỷ), Sabeco-SAB (-55.3 tỷ).

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
IMP	3,479.2	278.23
VDS	10,043.6	199.87
EIB	5,785.8	185.11
SVC	1,360.0	100.64
PDR	1,044.0	80.39
AGG	1,422.0	67.21
SHI	2,187.0	63.52
ACB	1,447.4	51.54
SAB	291.1	46.56
VNM	500.0	45.40
<b>HNX</b>		
SHB	3,593.0	112.46
IDC	447.0	17.26
HUT	2,000.0	14.00
TAR	469.0	9.29
GKM	200.0	2.94
VIF	50.0	0.73

Trên sàn HNX, áp lực bán đột biến trong phiên ATC khiến chỉ số HNX-Index đóng cửa với mức thấp nhất trong ngày tại 311.32 điểm (-1.75%). KLGĐ khớp lệnh đạt 142.4 triệu cổ phiếu (-5.4%), tương đương 3,452.9 tỷ đồng giá trị (-4.6%).

Tương tự như VN-Index, áp lực bán cũng bao trùm ở nhiều cổ phiếu trụ trên sàn HNX. Đỉnh điểm là đà giảm mạnh cuối phiên của Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-5.8%) là nguyên nhân chính kéo HNX-Index tụt dốc. Ngoài ra, 2 cổ phiếu ngân hàng còn lại là Ngân hàng Bắc Á-BAB (-1.8%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-3.6%) cũng đóng cửa ở mức thấp nhất phiên. Bên cạnh đó, các cổ phiếu dầu khí và chứng khoán cũng có diễn biến tiêu cực. Ở chiều ngược lại, nhóm bảo hiểm nâng đỡ thị trường với một số cổ phiếu tăng điểm như Bảo hiểm PVI-PVI (+9.8%) Tái bảo hiểm Quốc gia-VNR (+3.8%) hay Bảo hiểm Bưu điện-PTI (+1.6%). Bên cạnh đó, Chứng khoán VNDIRECT-VND (+4.4%) cũng đi ngược với nhiều cổ phiếu khác trong ngành với phiên tăng tốt dù mức tăng gần như thấp nhất trong phiên.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 63.0 tỷ đồng (+128.5%). Với lượng bán mạnh chủ yếu đến từ Chứng khoán VNDIRECT-VND (-99.4 tỷ) cùng với đó là Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.0 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (-1.0 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là Bảo hiểm PVI-PVI (+20.2 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+11.2 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+5.1 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực bán không quá lớn. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với ADX nằm trên vùng 26 và đường +DI nằm trên -DI, cho thấy chỉ số có thể vẫn giữ được xu hướng tăng, phiên giảm điểm vừa qua mới chỉ dừng lại ở một phiên rung lắc kỹ thuật. Tuy nhiên, chỉ số vẫn chịu sức ép của MA5, cùng với MACD cắt xuống dưới Signal cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn đang hiệu hữu. Do đó, trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được trên vùng hỗ trợ xu hướng quanh 1,300 – 1,310 điểm (MA20) thì xu hướng tăng hiện tại có thể kết thúc và rủi ro điều chỉnh sẽ tăng cao. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm trở lại và tiếp tục chịu sức ép từ MA5, cùng với MACD cắt xuống Signal phát đi tín hiệu bán, cho thấy áp lực điều chỉnh đang gia tăng. Trong trường hợp tiêu cực, chỉ số không thể giữ được trên vùng hỗ trợ xu hướng quanh 308 điểm (MA20) thì chỉ số có thể chịu áp lực giảm điểm về khu vực 280 điểm (đáy tháng 5). Nhìn chung, rủi ro điều chỉnh vẫn đang hiệu hữu. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng danh mục ở mức hợp lý và thận trọng với các vị thế giải ngân mới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DPG	42.1	1,492.3	7.0%
CMX	15.3	582.6	7.0%
DCM	19.2	10,617.5	7.0%
VCI	90.4	4,892.7	7.0%
IDI	6.9	4,854.0	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ABS	35.9	220.0	-7.0%
FTM	2.9	498.5	-7.0%
PVD	22.2	18,663.2	-6.9%
SFC	26.0	0.6	-6.8%
DAH	10.3	468.8	-6.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	71.8	5,469.7	0.0%
HPG	51.6	1,510.5	2.6%
STB	28.9	717.2	-2.4%
SSI	47.0	703.0	0.6%
MBB	37.9	608.7	-1.7%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	71.8	76,830.0	0.0%
HPG	51.6	29,312.9	2.6%
STB	28.9	24,476.8	-2.4%
SCR	11.4	21,891.6	6.5%
DXG	23.6	20,089.2	-2.1%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VC2	14.3	65.3	10.0%
AMC	19.8	0.1	10.0%
NHC	37.4	0.1	10.0%
LBE	23.2	0.2	10.0%
HEV	15.6	4.5	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PEN	8.1	0.2	-10.0%
CMC	5.9	0.4	-9.2%
CTT	9.9	1.0	-9.2%
VTL	12.1	0.5	-9.0%
TFC	8.1	16.4	-9.0%

#### Top 5 giá trị

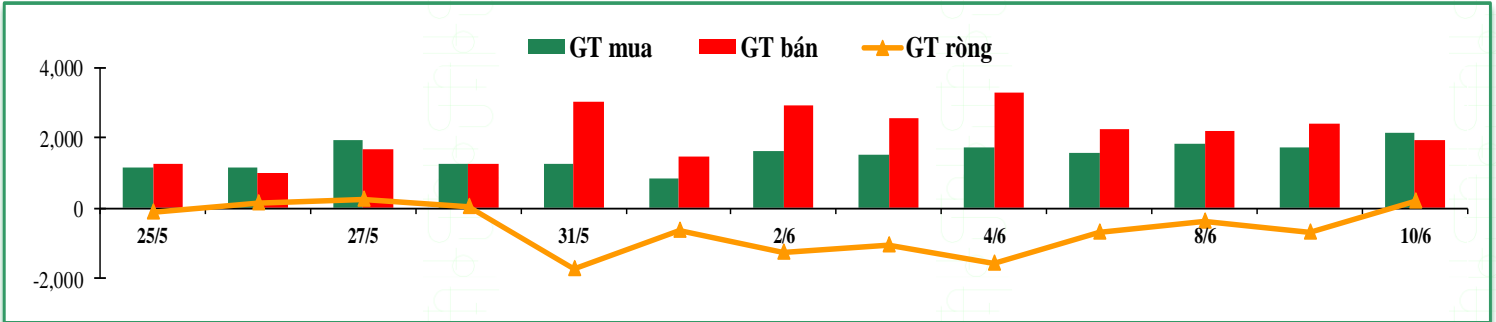
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	37.7	709.9	4.4%
SHB	29.5	674.1	-5.8%
PVS	26.9	432.9	-5.3%
SHS	36.8	404.6	0.0%
THD	193.0	196.7	-0.5%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.5	21,908.8	-5.8%
VND	37.7	18,162.6	4.4%
PVS	26.9	15,719.2	-5.3%
SHS	36.8	10,952.5	0.0%
ART	10.0	9,729.4	-4.8%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	2,079.5	8.2%	1,828.3	7.2%	251.2
HNX	46.6	1.3%	109.6	3.0%	-63.0
<b>Tổng số</b>	<b>2,126.1</b>		<b>1,937.9</b>		<b>188.2</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	51.6	265.1	2.6%
IMP	73.5	258.9	-3.3%
VNM	92.2	158.7	3.5%
VHM	104.1	106.5	-1.9%
SSI	47.0	98.0	0.6%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
IMP	73.5	259.2	-3.3%
DXG	23.6	170.0	-2.1%
NVL	103.6	128.8	-2.5%
SAB	160.0	125.7	2.0%
VIC	116.5	99.5	-1.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	51.6	167.4	2.6%
VNM	92.2	91.7	3.5%
SSI	47.0	90.3	0.6%
VCB	101.8	53.8	-0.2%
STB	28.9	42.8	-2.4%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	39.1	22.0	9.8%
PVS	26.9	11.3	-5.3%
SHS	36.8	5.1	0.0%
VND	37.7	1.6	4.4%
SHB	29.5	1.6	-5.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	37.7	101.0	4.4%
SHB	29.5	1.9	-5.8%
PVI	39.1	1.8	9.8%
BVS	27.3	1.0	-1.4%
NTP	48.9	1.0	0.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	39.1	20.2	9.8%
PVS	26.9	11.2	-5.3%
SHS	36.8	5.1	0.0%
PAN	26.7	1.1	-1.5%
NSC	79.8	1.1	0.1%

## Tin trong nước

### Vì sao giá mua USD giảm?

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều chỉnh giá mua USD được niêm yết tại Sở giao dịch NHNN, hôm qua. Theo đó, cơ quan điều hành đã giảm 150 đồng USD chiều mua vào xuống mức 22.975 đồng/USD, trong khi đó giữ nguyên giá bán ở mức 23.744 đồng/USD.

Đây là lần Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giá mua USD mạnh nhất trong hơn một năm trở lại đây. Lần điều chỉnh gần nhất được thực hiện vào ngày 24/11/2020, giảm 50 đồng ở giá mua và giảm 7 đồng trong giá bán.

Song song với động thái của Ngân hàng Nhà nước, giá mua bán USD tại các ngân hàng thương mại và trên thị trường tự do cũng giảm mạnh trong những ngày gần đây.

TS. Cấn Văn Lực - Chuyên gia Kinh tế trưởng Ngân hàng BIDV lưu ý 2 điểm trong chính sách điều hành thị trường ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước thời gian gần đây.

Đầu tiên là việc Ngân hàng Nhà nước giảm mạnh tỷ giá, đồng nghĩa với tăng giá trị VND so với đồng USD. Mức giảm 150 đồng tương đương VND tăng giá khoảng 0,65% so với USD.

Điểm thứ hai là hiện Ngân hàng Nhà nước không cho phép ngân hàng thương mại hủy ngang giao dịch sau khi đã ký hợp đồng cam kết bán ngoại tệ, trong khi trước đây có cho phép hủy ngang trong thời hạn 6 tháng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn.

Vị chuyên gia nhận định, Ngân hàng Nhà nước vẫn đang tiếp tục điều hành chính sách ngoại hối theo hướng linh hoạt hơn và lần này theo hướng tăng giá VND, phù hợp với bối cảnh đồng USD gần đây giảm giá và nếu so với đầu năm đến nay gần như không tăng giá. Một số đồng ngoại tệ khác so với đồng USD cũng đã và đang tăng giá.

"Điều này cũng thể hiện thiện chí của Việt Nam trong việc cùng Mỹ giải quyết vấn đề về gần mác thao túng tiền tệ. Cách đây gần 1 tháng, Mỹ đã gỡ mác thao túng tiền tệ cho Việt Nam nhưng đây chỉ tạm thời và họ vẫn tiếp tục theo dõi chính sách ngoại hối của chúng ta", TS. Cấn Văn Lực cho biết.

### Xuất khẩu đồ gỗ vượt ngoài mong đợi bất chấp Covid-19

Theo thống kê hải quan, tính đến hết tháng 5, kim ngạch xuất khẩu gỗ và đồ gỗ đạt hơn 6,42 tỷ USD, tăng 42% so với cùng kỳ 2020. Riêng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ đạt 4,96 tỷ USD, tăng gần 57% so với cùng kỳ năm 2020.

Đây là con số xuất khẩu cao kỷ lục, vượt lên những tác động do dịch Covid-19 mang lại, trong khi nhiều ngành hàng vẫn đang ngập trong khó khăn.

Theo thông tin từ các nhà nhập khẩu, chính vì dịch bệnh diễn ra, các quốc gia thực hiện giải pháp giãn cách xã hội, người lao động làm việc tại nhà nên họ có nhu cầu cao về trang bị bàn ghế, giường, tủ mới nhằm tạo không gian đẹp hơn. Chính vì vậy, người tiêu dùng thế giới có thêm thời gian và nguyện vọng mua sắm, tìm kiếm các sản phẩm, đồ gỗ nội thất trên mạng.



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **PV Gas dự kiến chi hơn 5.700 tỷ đồng để trả cổ tức tỷ lệ 30%**

Nghị quyết HĐQT Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas, HoSE:GAS) vừa thông qua thời gian chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 30% từ ngày 1/9 đến 16/10.

Với hơn 1,9 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, PV Gas dự kiến sẽ chi khoảng 5.742 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông.

Năm ngoái, công ty ghi nhận 64.135 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 14% so với năm trước; lợi nhuận sau thuế giảm 34% xuống mức 7.972 tỷ đồng, tương đương 120% kế hoạch. Với kết quả đạt được, cổ đông thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 30%.

Về kế hoạch năm 2021, PV Gas đặt chỉ tiêu tổng doanh thu 70.169 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 7.036 tỷ đồng, lần lượt tăng 9% và giảm 12% so với thực hiện năm trước. Doanh nghiệp dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ thấp hơn năm trước, ở mức 25% bằng tiền.

Theo báo cáo tài chính quý I, doanh thu tăng nhẹ 3% lên 17.570 tỷ đồng, hoàn thành 25% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế giảm 12% xuống 2.057 tỷ đồng, tương đương 30% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm. Doanh nghiệp giải trình, mặc dù giá dầu bình quân tăng 22% tuy nhiên sản lượng khí thô thiêu thụ trong quý I giảm 16% so với cùng kỳ năm trước khiến doanh thu và lợi nhuận giảm tương ứng.

### **Gemadeptrình chia cổ tức tỷ lệ 12% năm 2020, kế hoạch lãi 2021 tăng tối thiểu 23%**

Theo tài liệu họp ĐHCĐ thường niên 2021, ban lãnh đạo Gemadeptr (HoSE: GMD) sẽ trình phương án chia cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 12%.

Ngoài ra, HĐQT trình cổ đông kế hoạch kinh doanh theo 2 kịch bản. Ở kịch bản lạc quan, doanh thu hợp nhất dự kiến 2.800 tỷ đồng, tăng 7%; lợi nhuận trước thuế 700 tỷ đồng, tăng 37% so với thực hiện 2020. Ở kịch bản trung bình, doanh thu tăng 4% lên 2.700 tỷ đồng và lợi nhuận tăng 23% lên 630 tỷ đồng. Như vậy, dù ở kịch bản nào, Gemadeptr kỳ vọng doanh thu và lợi nhuận cùng tăng trưởng.

Quý I năm nay, Gemadeptr ghi nhận doanh thu hợp nhất 687 tỷ đồng, tăng 14%. Trong đó, doanh thu khai thác cảng đạt 582 tỷ đồng, tăng 15,4%; doanh thu logistics, cho thuê văn phòng tăng nhẹ 8% lên 105 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ 147 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước.

HĐQT trình cổ đông phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên giai đoạn 2021 – 2025 (ESOP), giá phát hành ưu đãi và không thấp hơn 10.000 đồng/cp. Số lượng cổ phiếu phát hành tối đa không vượt quá 7,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 2 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VHM	Chốt lời	11/06/21	104.1	100.4	3.7%	110	9.6%	96.5	-3.9%	Tín hiệu suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	SBT	Quan sát mua	11/06/21	21.7	24-25	Nhịp điều chỉnh ko nhiều, thiên về tích lũy trên MA50 + có nền tảng rút chân kèm vol cao trở lại -> khả năng retest xong, sẵn sàng tăng trở lại
2	CTD	Quan sát mua	11/06/21	61.8	68-70	Nhịp tích lũy bên dưới MA50 khá tích cực với vol cạn dần + MACD vẫn duy trì trên Signal -> khả năng sớm có phiên break, cần nền tảng vượt 63.5 để xác nhận
3	SIP	Quan sát mua	11/06/21	171	202-210	Nhịp tích lũy bên dưới MA50 khá tích cực với vol cạn dần + có phiên tăng kèm vol cao trở lại -> khả năng sớm có phiên break

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Mua	28/04/21	53.7	49.9	7.6%	55	10.2%	47	-6%	
2	SSI	Nắm giữ	13/05/21	47	34.8	35.1%	52.2	50.0%	33.5	-4%	
3	PVS	Nắm giữ	19/05/21	26.9	21.8	23.4%	31.3	44%	20.5	-6%	
4	BVH	Mua	04/06/21	55.5	54.9	1.1%	63	15%	53	-3%	
5	PAN	Mua	07/06/21	26.7	27	-1.1%	31	15%	25.4	-6%	
6	VRE	Mua	10/06/21	30.8	31.7	-2.8%	36	14%	30	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 10/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,040	0.7%	250%	25,050	12	81,900	7,427	(1,613)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,350	-3.3%	190%	6,110	25	81,900	1,444	(2,906)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,650	1.4%	265%	2,780	104	32,700	654	(2,996)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	44,900	4.4%	688%	3,690	20	51,600	36,615	(8,285)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,600	1.2%	719%	9,850	104	51,600	1,846	(6,754)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,600	5.0%	348%	2,490	25	51,600	15,229	(14,371)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,750	3.9%	278%	19,960	26	51,600	6,443	(8,307)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	9,010	0.1%	501%	5,810	25	51,600	3,121	(5,889)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,320	0.1%	444%	14,690	60	51,600	6,499	(9,821)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,850	2.7%	238%	11,590	78	51,600	1,615	(12,235)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,850	3.2%	350%	21,790	63	51,600	3	(5,847)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,740	2.7%	378%	42,590	63	51,600	3	(5,737)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,850	-1.0%	141%	4,400	67	38,900	2,919	(931)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,990	-0.3%	199%	1,490	104	38,900	1,162	(1,828)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,620	-2.3%	101%	840	64	38,900	3,958	(1,662)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	21,960	1.6%	377%	8,980	4	37,900	21,904	(56)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	7,060	-1.9%	341%	11,840	26	37,900	5,970	(1,090)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,380	-2.0%	182%	8,760	63	37,900	359	(3,021)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,690	-9.7%	156%	6,680	104	103,100	316	(2,374)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,560	-0.8%	156%	2,370	104	103,100	85	(2,475)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,100	-0.7%	103%	3,730	64	103,100	2,574	(3,526)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	23,470	0.3%	96%	2,530	20	135,300	19,706	(3,764)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,600	2.0%	8%	4,580	26	135,300	1,848	(752)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,100	-3.0%	103%	1,140	53	135,300	3,136	(2,964)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMWG2103	1,900	1,780	-7.8%	-6%	5,210	25	135,300	699	(1,081)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,550	-0.6%	256%	1,380	(80)	135,300	(374)	(8,924)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,550	0.9%	54%	5,180	78	135,300	762	(3,788)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,290	-2.9%	429%	7,540	104	103,600	2,229	(3,061)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,260	-5.5%	196%	16,020	109	103,600	1	(3,259)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,980	1.0%	262%	7,160	78	83,200	171	(3,809)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,510	2.3%	310%	5,080	109	83,200	350	(4,160)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,230	-3.0%	31%	2,530	26	95,800	1,810	(420)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,090	-1.9%	155%	2,560	53	95,800	3,210	(1,880)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,860	10.3%	33%	4,220	8	95,800	3,407	(453)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,160	-10.0%	-6%	18,730	26	54,500	1,643	(517)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,610	0.0%	137%	7,030	104	21,700	41	(2,569)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2014	3,800	17,000	-5.0%	347%	11,820	4	28,900	16,903	(97)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	6,760	-1.3%	576%	5,020	104	28,900	3,522	(3,238)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,750	-0.9%	454%	6,750	60	28,900	5,482	(2,268)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,380	-2.1%	160%	8,040	78	28,900	6,108	(4,272)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	28,600	-1.0%	430%	9,010	50	50,100	28,165	(435)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,800	0.4%	376%	1,780	117	50,100	19,313	(4,487)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,100	-1.2%	252%	6,450	26	50,100	7,078	(1,022)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,200	-1.6%	217%	16,850	60	50,100	7,363	(1,837)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,010	-2.6%	251%	2,930	78	50,100	2,345	(4,665)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,200	-1.4%	38%	5,450	67	21,800	27	(2,173)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,840	-2.1%	184%	520	104	21,800	65	(2,775)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,100	2.3%	13%	6,540	64	21,800	13	(3,087)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,760	-1.1%	47%	11,450	63	21,800	0	(1,760)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,530	-1.4%	221%	3,930	104	104,100	178	(3,352)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,840	-5.3%	49%	11,150	26	104,100	1,723	(1,117)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,120	-4.0%	95%	11,350	60	104,100	673	(2,447)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,680	-4.4%	145%	2,810	64	104,100	261	(3,419)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,230	-6.1%	148%	20,750	63	104,100	2	(3,228)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	3,200	-7.3%	220%	3,260	104	116,500	53	(3,147)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,680	-2.2%	144%	7,970	109	116,500	0	(2,680)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,310	5.0%	110%	5,460	104	92,200	0	(2,310)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	750	2.7%	-56%	28,710	26	92,200	(0)	(750)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2103	1,700	240	0.0%	-86%	21,180	8	92,200	(0)	(240)	MBS	VNM	104,000	9.9	18/06/2021
CVNM2104	1,480	3,130	11.4%	111%	15,820	95	92,200	20	(3,110)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2105	1,100	1,930	7.2%	75%	29,990	109	92,200	0	(1,930)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	46,000	0.0%	721%	3,860	50	71,800	45,876	(124)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	16,900	-0.6%	483%	4,070	26	71,800	17,428	528	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	17,660	-0.8%	554%	25,540	60	71,800	17,714	54	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,000	-8.6%	220%	13,320	78	71,800	7,675	(325)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	6,410	-5.6%	28%	12,780	50	30,800	3,385	(3,025)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,450	-2.4%	104%	1,250	104	30,800	60	(2,390)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,400	-9.7%	-22%	13,140	26	30,800	225	(1,175)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,370	-1.3%	82%	4,190	60	30,800	79	(2,291)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,000	-13.0%	0%	4,890	64	30,800	20	(2,980)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
GMD	(New)	HOSE	40,200	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	15,700	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
KDH	(New)	HOSE	38,900	42,300	31/05/2021	1,147	2,157	17,973	14%	8%	19.6	2.4	-
NLG	(New)	HOSE	38,500	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	(New)	HOSE	30,800	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	104,100	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	53,900	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	28,500	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	36,950	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	33,800	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	54,500	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	28,950	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	44,250	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	36,600	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	41,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	73,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	94,500	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	25,800	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

DGW		HOSE	120,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	95,800	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	135,300	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	160,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	103,100	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	92,200	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	85,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	37,450	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	103,600	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	101,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	34,100	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	50,100	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,000	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	57,000	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	61,800	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	81,900	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,600	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	36,100	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	69,800	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	52,500	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,700	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	39,400	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	86,100	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	55,100	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	22,300	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	57,900	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	18,400	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,300	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	38,800	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	86,400	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	11,900	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.